TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 29/5/2023
V/v T*ranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Luận

Ông MA Quốc Bảo

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên toà:* Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khA vụ án thụ lý số 68/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp Phước 3B, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL

- *Bị đơn*: Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp Phước 3B, xã VPĐ, huyện PL, tỉnh BL

(*Ông Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lê Hoàng A vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Do quen biết với nhau nên ông Q có cho ông Lê Hoàng A mượn tiền vào năm 2017 với số tiền là 120.000.000 đồng, khi cho mượn thì ông A hứa 01 tháng sau sẽ trả. Tuy nhiên, đến nay ông A vẫn không thực hiện việc trả nợ cho ông. Ông Q có yêu cầu ấp, xã giải quyết, theo đó vào

ngày 08/7/2022 thì UBND xã VPĐ có mời ông Q và ông A đến Ủy ban để hòa giải về việc tranh chấp tiền vay trên. Tại buổi hòa giải thì ông A thừa nhận có thiếu ông Q 120.000.000 đồng và xin trả tiền lại cho ông làm 04 lần, cụ thể là ngày 14/11/2022 trả 30.000.000 đồng; ngày 14/3/2023 trả 30.000.000 đồng; ngày 14/7/2023 trả 30.000.000 đồng và ngày 14/11/2023 trả 30.000.000 đồng. Sau khi xã lập biên bản hòa giải thì ông A vẫn không thực hiện đúng như cam kết, chưa trả ông bất cứ khoản tiền nào.

Do đó ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Hoàng A trả lại ông số tiền là 120.000.000 đồng.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn ông Lê Hoàng A đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khA chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khA chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông A vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với ông Lê Hoàng A, buộc ông A có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Lê Hoàng A theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có địa chỉ tại ấp Phước 3B, xã VPĐ, huyện Phước Long, tỉnh BL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh BL theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hA nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông Q, ông A là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án ông Q xác định có cho ông A mượn nợ với tổng số tiền 120.000.000 đồng. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình ông Q có cung cấp 01 tờ cam kết đề ngày 14/7/2022 do ông A viết có nội dung cam kết trả tiền cho ông Q 120.000.000 đồng và 01 biên bản hòa giải tranh chấp về dân sự do Ủy ban nhân dân xã VPĐ lập ngày 08/7/2022 theo đó ông Lê Hoàng A thừa nhận có thiếu ông Nguyễn Văn Q số tiền là 120.000.000 đồng. Về phía bị đơn ông Lê Hoàng A trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông A không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa nên không có ý kiến trình bày đối với chứng cứ do ông Q cung cấp.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân *sự "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.." và* Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự*"Một nên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Căn cứ vào các quy định trên, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì ông Q đã cung cấp "*Tờ cam kết"* có chữ ký của ông A và chứng cứ cũng được thông báo cho ông A được biết nhưng ông A không có ý kiến phản đối gì và chứng cứ trên cũng phù hợp với nội dung biên bản hòa giải tại UBND xã VPĐ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đã được quy định nêu trên thì "*Tờ cam kết*" đề ngày 14/7/2022 là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định ông Lê Hoàng A có vay của ông Nguyễn Văn Q số tiền 120.000.000 đồng theo như lời trình bày của ông Q là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận khởi kiện của ông Q về việc yêu cầu ông A trả nợ vay với số tiền 120.000.000 đồng; xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông Q đối với ông A được Tòa án chấp nhận, số tiền án phí là 6.000.000 đồng; ông Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với ông Lê Hoàng A.

Buộc ông Lê Hoàng A có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hA mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: ông Lê Hoàng A phải chịu án phí 6.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Q số tiền án tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lA thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012508 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh BL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh BL;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thanh Liêm